

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày 23 – 7 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hộ kinh doanh Q.

Chủ hộ kinh doanh: Ông Võ Quốc M, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Quốc M: Ông Võ Văn N, sinh năm 1993 (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 31/12/2024, có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm B, xã C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Hồ Quốc L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

2. Bà Trần Hằng N1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/01/2015 vợ chồng ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 có hợp đồng mua thức ăn cho tôm và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh Q, chỉ thỏa thuận

miệng không lập hợp đồng mua bán, hai bên giao dịch nhiều lần đến ngày 05/01/2015 ông Hồ Quốc L có làm biên nhận nợ thể hiện có nợ số tiền 52.519.000 đồng, ông L có ký tên nhưng bà N1 không có ký tên nên đến ngày 26/8/2015 giữa H kinh doanh Quốc M với ông L và bà N1 có làm giấy xác nhận lại số nợ thì ông L và bà N1 còn nợ lại H kinh doanh Quốc M số tiền mua thức ăn cho tôm và thuốc thủy sản là 52.519.000 đồng. Hộ kinh doanh Q đã nhiều lần yêu cầu ông L và bà N1 trả số tiền trên nhưng ông L và bà N1 chỉ hứa hẹn nhưng không trả. Đối với lời trình bày của bà N1 cho rằng ông T đã đứng ra lãnh toàn bộ số tiền ông L và bà N1 nợ H kinh doanh Quốc M và đã trả xong là không đúng, vì ông Hồ Văn T nhận nợ của ông T không có bao gồm nợ của ông L và hai bên đều ký nhận nợ riêng, được thể hiện tại biên nhận ngày 05/01/2015 có cung cấp cho Tòa án. Nay Hộ kinh doanh Quốc M yêu cầu ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 trả số tiền nợ là 52.519.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Trần Hằng N1 trình bày:

Vào ngày 26/8/2015 vợ chồng bà có ký tên vào giấy xác nhận số nợ từ khách hàng có thiếu tiền mua bán thức ăn, thuốc và hóa chất dùng trong nuôi tôm thiếu Hộ kinh doanh Quốc Mừng tổng số tiền 52.519.000 đồng. Tuy nhiên, do ông Hồ Văn T là anh ruột của ông L, ông L chỉ là người nuôi tôm thuê cho ông T, ông T lấy thức ăn, thuốc thủy sản của H kinh doanh Quốc Mừng về bán lại và nuôi tôm công nghiệp, vợ chồng bà chỉ là người làm thuê cho ông T và bán thức ăn cho ông T nên ông T đã đứng ra lãnh toàn bộ số tiền vợ chồng bà nợ H kinh doanh Quốc M nhưng do sơ suất ông T không lấy lại giấy xác nhận nợ mà vợ chồng bà đã ký tên thiếu Hộ kinh doanh Quốc Mừng tổng số tiền 52.519.000 đồng. Hiện nay, ông T đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, về chứng cứ ông T đã đứng ra trả khoản nợ của vợ chồng bà thì bà sẽ cung cấp sau cho Tòa án và yêu cầu Tòa án cho bà trong thời gian một tháng thì bà sẽ cung cấp chứng cứ, nếu hết thời hạn trên mà bà không cung cấp được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của H kinh doanh Quốc Mừng thì bà không đồng ý, vì không còn nợ, nợ trên ông T đã đứng ra trả xong.

Đối với ông Hồ Quốc L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của Hộ kinh doanh Q nhưng ông L không có ý kiến. Tòa án thông báo để ông L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông L vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Q. Buộc ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 phải có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Quốc M số tiền 52.519.000 đồng (*Năm mươi hai triệu năm trăm mười chín nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông L và bà N1 vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà N1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa nguyên đơn Hộ kinh doanh Quốc Mừng với bị đơn ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau). Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] *Về nội dung vụ án*:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Hộ kinh doanh Q yêu cầu ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 phải có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Quốc M số tiền còn nợ là 52.519.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của Hộ kinh doanh Q, triệu tập ông Hồ Quốc L nhiều lần nhưng ông L đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình nên mặc nhiên ông L thừa nhận số nợ H kinh doanh Quốc Mừng yêu cầu. Mặt khác, theo tài liệu, chứng cứ mà H kinh doanh Quốc M cung cấp cho Tòa án thể hiện tại giấy xác nhận số nợ từ khách hàng ngày 26/8/2015 thì ông L và bà N1 còn nợ H kinh doanh Quốc Mừng số tiền 52.519.000 đồng, ông L và bà N1 có ký tên được bà N1 thừa nhận. Tuy nhiên, bà N1 cho rằng ông Hồ Văn T (anh ruột ông L) đã đứng ra lãnh toàn bộ số tiền ông L và bà N1 nợ H kinh doanh Quốc M nhưng do sơ suất ông T không lấy lại giấy xác nhận nợ mà ông L và bà N1 đã ký tên thiếu Hộ kinh doanh Quốc Mừng tổng số tiền 52.519.000 đồng, về chứng cứ ông T đã đứng ra trả số tiền 52.519.000 đồng thì bà N1 sẽ cung cấp cho Tòa án nhưng đến khi xét xử thì bà N1 không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh ông T đứng ra lãnh toàn bộ số nợ trên và đã trả xong. Trong khi đó, H kinh doanh Quốc M có cung cấp biên nhận nợ ngày 05/01/2015 thể hiện ông Hồ Văn T nợ số tiền 482.807.000 đồng, ông T có ký tên và ông Hồ Quốc L nợ số tiền 52.519.000 đồng, ông L có ký tên, điều này thể hiện ông T và ông L nợ H kinh doanh Quốc M là hai khoản tiền khác nhau, không có việc ông T lãnh toàn bộ số nợ của ông L. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của H kinh doanh Q, buộc ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 phải có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Quốc Mừng số tiền 52.519.000 đồng. Hộ kinh doanh Q không yêu cầu tiền lãi nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra, ông L và bà N1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thanh toán nếu chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông L và bà N1 phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho H kinh doanh Quốc Mừng cụ thể: 52.519.000 đồng x 5% = 2.626.000 đồng (làm tròn).

Hộ kinh doanh Quốc M không phải chịu án phí, số tiền đã dự nộp được nhận lại.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;
Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Q.

[1] *Về nội dung*:

Buộc ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 phải có nghĩa vụ trả cho H kinh doanh Quốc M số tiền 52.519.000 đồng (*Năm mươi hai triệu năm trăm mười chín nghìn đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] *Về án phí*:

Ông Hồ Quốc L và bà Trần Hằng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.626.000 đồng.

Hộ kinh doanh Quốc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh Q 1.313.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018991 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THADS cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền